**MOTIF *MỸ NHÂN KẾ* TRONG VĂN XUÔI TỰ SỰ TRUNG ĐẠI VIỆT NAM**

**TỪ GÓC NHÌN VĂN HOÁ**

**Tóm tắt.** Mỹ nhân kế là một kế sách, mưu lược dùng nhan sắc để giành thắng lợi (thường được sử dụng khá phổ biến trong chiến tranh) và cả trong đời sống thường ngày ở các cấp độ khác nhau. Trong vùng khảo sát văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam, bài báo khảo sát, phân loại, hoàn cảnh, tính chất, mưu lược của mỹ nhân kế. Nghiên cứu motif Mỹ nhân kế nhìn từ văn hoá trung đại có thể thấy được chân dung nhân vật thực hiện kế sách mang đậm màu sắc tướng thuật và “Hồng nhan bạc mệnh” là một hiện thực về số phận người phụ nữ trong xã hội xưa.

**Từ khóa**: Mỹ nhân kế, văn xuôi tự sự trung đại, motif, tướng thuật

**1. Mở đầu**

Mỹ nhân kế là một kế sách, mưu lược dùng nhan sắc để giành thắng lợi (thường được sử dụng khá phổ biến trong chiến tranh) và cả trong đời sống thường ngày ở các cấp độ khác nhau. Kế sách này được dùng khắp thế giới nhưng tại Trung Quốc nó càng nổi tiếng và là một trong 36 sách lược được dùng trong quân sự điển hình của Trung Quốc cổ đại, được biết đến với tên gọi “Tam thập lục kế”, xuất hiện từ thời Nam Bắc triều và đến thời nhà Minh thì được tập hợp thành sách. Mỹ nhân kế nằm ở vị trí số 31 với nội dung là dùng người đẹp để làm mê hoặc chủ tướng của đối phương dẫn đến sự trễ nải hoặc quyết sách sai lầm từ đó nắm ưu thế thắng lợi. Trong lịch sử quân sự Trung Quốc đã có nhiều trường hợp sử dụng mỹ nhân kế thành công trong đó nổi tiếng với câu chuyện về Tây Thi và Điêu Thuyền. Thời Xuân Thu, Câu Tiễn nước Việt bị Ngô vương Phù Sai đánh cho suýt mất nước. Phạm Lãi và Văn Chùng bèn hiến kế cho Câu Tiễn dâng mỹ nhân nổi tiếng của nước Việt là Tây Thi cho Phù Sai khiến Ngô vương vì đam mê tửu sắc mà bỏ bê việc chính sự, tạo thời cơ cho Câu Tiễn trả thù. Thời Tam Quốc, Vương Doãn lợi dụng con gái nuôi của mình là Điêu Thuyền để chia rẽ tình cảm cha con Đổng Trác - Lữ Bố khiến hai cha con họ tranh giành người đẹp. Trong lịch sử chiến tranh, ngoại giao, quân sự và cả trong đời sống thường ngày ở nước ta, trải qua các triều đại lịch sử, Mỹ nhân kế được dùng khá phổ biến. Điều này được ghi lại trong các bộ sử và hẳn nhiên là cả trong văn học. Khảo sát các bộ sử Việt và Văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam, Mỹ nhân kế được dùng khá phổ biến. Đây không chỉ là một hiện tượng chính trị mà còn là một hiện tượng văn hoá, văn học đặc sắc và có nhiều điều cần khám phá.

**2. Nội dung**

***2.1. Đặc điểm Motif Mỹ nhân kế trong văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam***

*2.1.1. Phân loại:*

*Theo giới tính*: bản chất Mỹ nhân kế là kế sách dùng người đẹp tác động vào đối tượng để giành thắng lợi. Nhiều người xưa nay luôn mặc định mỹ nhân kế là dùng người con gái xinh đẹp để lung lạc lòng người, kì thực nghĩ như vậy là thu hẹp vấn đề. Mỹ nhân chỉ người đẹp nhưng không bó hẹp là nam hay nữ, vì thế, nó có thể tách ra Mỹ nữ kế và Mỹ nam kế. Theo những cứ liệu chúng tôi khảo sát trong *Đại Việt sử kí toàn thư* và Văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam thì hầu hết các trường hợp sử dụng là Mỹ nữ kế, chỉ đơn lẻ một vài trường hợp đặc biệt là dùng Mỹ nam kế. Điều này cũng hoàn toàn dễ hiểu, trong xã hội phong kiến, người nắm giữ quyền lực tối cao về kinh tế, chính trị, quân sự, tôn giáo là nam giới vì thế họ là đối tượng để “bị” tính kế. Người thực hiện kế sách đương nhiên phải là phái nữ. Một trường hợp thú vị của nam nhân kế là trong *Truyện* *Hà Ô Lôi* vua Trần sai Hà Ô Lôi đi chinh phục quận chúa để trả thù (*Lĩnh Nam chích quái truyện*). Hay trong *Truyện Kiều*, mụ Tú Bà dùng Sở Khanh lừa Kiều đi trốn cũng là một dạng dùng nam nhân kế (Về Nam nhân kế, chúng tôi sẽ trở lại vào một bài viết khác, trong bài này chúng tôi tập trung vào Mỹ nhân kế - trường hợp Mĩ nữ kế). Như vậy, trong lịch sử, văn học nước ta motif Mỹ nhân kế được sử dụng khá phổ biến và đầy đủ cả mỹ nam, mỹ nữ kế, tuy nhiên, phần lớn vẫn là nữ nhân kế.

*Theo hoàn cảnh, mục đích sử dụng Mỹ nhân kế:* Mỹ nhân kế phần lớn được dử dụng *trong chiến tranh quân sự, ngoại giao*: Khảo sát trong *Đại Việt sử kí toàn thư* và Văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam ta thấy có một số trường hợp sử dụng Mỹ nhân kế tiêu biểu sau: Thời Trần, năm 1228, khi thanh thế của Nguyễn Nộn quá lớn, Trần Thủ Độ sai sứ đem thư đến chúc mừng, gia phong Nộn làm Hoài Đạo Hiếu vũ vương, đưa công chúa Ngoạn Thiềm gả cho hắn để ngầm dò la tin tức; trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông, năm 1285, nhà Trần đã sai người đưa công chúa An Tư (em gái út của vua Trần Thánh Tông) đến dâng cho Thoát Hoan, là muốn làm thư giãn nạn nước. Trong *Nam triều công nghiệp diễn chí* có chi tiết chúa Nguyễn Hoàng dùng mỹ nhân kế để tiêu diệt Lập Quận công từ sự mách nước của một nữ thần xuất hiện trong mộng. Bấy giờ, chúa có nàng hầu xinh đẹp, mưu trí gan dạ, nói năng nhanh nhẹn dễ nghe, ứng đối trôi chảy, về nhan sắc thì nguyệt mờ hoa thẹn, dáng điệu cá lặn nhạn rơi, bèn sai đem các thứ báu vật vàng bạc, kỳ nam đến trại quân tiến dâng cho Quận Lập xin mở đường hoà hiếu, ưng chịu cho hắn tư thông rồi tìm cách dụ hắn đến xứ Trảo Trảo để lập kế diệt trừ [2, tr. 28-30]. Mỹ nhân kế còn được các nhà lãnh đạo ***dùng trong thời bình***với *nhiều mục đích khác nhau*. Không chỉ sử dụng trong chiến tranh mà ngay cả khi hoà bình được thiết lập nhà Trần vẫn sử dụng kế sách này. Trong Truyện *Sứ thần phương Bắc* (*Sơn cư tạp thuật*) có kể chi tiết: Năm Nguyên Thống thứ hai (1334), Tân Dụ Truyền và Lệ Nhược Kim sang sứ nước ta, đoàn trọ ở Quán Thiên Sứ. Vua ta cho một nàng hầu tới dâng chăn gối cho Lệ. Sách *Bổ truyền kì* ghi chép: vào thời vua Trần Minh Tông, Nam Bắc giảng hoà, sứ giả hai bên đi lại liên tục. Bấy giờ có sứ phương Bắc là Hoàng Thường nổi tiếng trong sạch… Viên quan lễ tân vâng mệnh vua, đem 100 lạng vàng tới… lấy cớ đây là mệnh vua để nài ép hai ba lần, nhưng Thường đều từ chối… Có một viên quan trong triều thấy thế tâu rằng: Thần nghe nói những kẻ thư sinh thường nhiều ham muốn mà ít cứng rắn, nay xin cho thử xem! Vua nghe lời sai một cô gái đẹp tên Hồng, ăn mặc lộng lẫy, truyền cho viên lễ tân đưa tới chỗ Hoàng Thường… Hoàng Thường lấy lời lẽ khiêm tốn để từ chối. Viên quan lễ tân cố nài, Thường mới chịu nhận (tập 2) [7. tr. 340-341]. Trường hợp này người nữ có vai trò như một *phần quà tặng, tặng phẩm vua ban cho sứ thần tỏ lòng hoà hiếu (và có thể giả định là một gián điệp quân sự bí mật).* Một trường hợp đặc biệt khác cùng được ghi lại trong *Tam tổ thực lục* và *Sơn cư tạp thuật* là chuyện về nhà sư Huyền Quang bị *thử đạo hạnh bằng mỹ nhân kế*. Trong hai tác phẩm này có mở đầu giống nhau là sự băn khoăn của nhà vua [Trần Minh Tông] về đạo hạnh sư Huyền Quang: “Người ta sống ở trong trời đất, mang khí âm, ôm khí dương, ăn thích vị ngon, mặc thích màu đẹp, đều có tình dục như thế…. Tại sao riêng một lão tăng Huyền Quang, từ trước đến nay chỉ sắc sắc không không, như nước chẳng gợn sóng, như gương chẳng mờ bụi. Đó là ngăn hãm lòng dục hay là không có lòng dục vậy”. Có một quan văn [là Mạc Đĩnh Chi] bên cạnh đáp ứng tâu rằng: “vẽ hổ chỉ vẽ được da, khó vẽ được xương. Biết người thì biết mặt mà không biết được lòng. Xin cứ thử xem thì biết là thế nào” [6, tr. 126]. Vua bèn cử nàng Điểm Bích đến quyến rũ nhà sư. Phần giữa của hai tác phẩm kể về quá trình tiếp cận và kết quả cuộc thử thách. Trong *Tam tổ thực lục* thì nhà sư vượt qua sắc đẹp và mỹ nhân kế thất bại, tuy nhiên, người thực hiện lại giấu kết quả và về báo lại là kết quả thắng lợi; còn trong *Sơn cư tạp thuật* thì nhà sư gục ngã và mỹ nhân kế thắng lợi. Phần kết của cả hai tác phẩm là sự giải trình của nhà sư trước nhà vua, triều đình (công chúng). Trong *Tam tổ thực lục* thì sư bước lên đàn và cỗ mặn biến thành cỗ chay chứng minh sự trong sạch còn trong *Sư chùa núi Yên Tử* (*Sơn cư tạp thuật*) nhà sư tự thú nhận “rượu ngon, dê béo, gái đẹp” là điều khó vượt qua.

Mỹ nhân kế được dùng với nhiều *mục đích nhân sinh đa dạng khác*. Một là *Mỹ nhân kế* *tạo vị thế chính trị (và của cải vật chất*): Trong xã hội phong kiến, mọi giá trị do người đàn ông đặt ra, quyền lực, của cải phần lớn do người đàn ông thống trị, chiếm hữu, thân phận người phụ nữ thật nhỏ bé, bấp bênh, phụ thuộc. Ý thức được điều này, nhiều phụ nữ đã vận dụng sức mạnh quyến rũ của mình để có vị thế xã hội, quyền lực, của cải, sự an toàn… Trong *Hoàng Lê nhất thống chí* có nhân vật Đặng Thị Huệ với nghệ thuật quyến rũ của mình đã khiến Chúa Trịnh Sâm say đắm, mê mệt đến mức phế con trưởng, lập con thứ, làm loạn triều chính [8]. Trong *Nam triều công nghiệp diễn chí*, Tống Thị là một trong những nhân vật tiêu biểu và điển hình của việc ý thức về nhan sắc, khả năng quyến rũ của mình để biến nó thành một sức mạnh thao túng những nhân vật quyền lực bậc nhất đương thời nhằm tạo chỗ đứng và sở hữu một khối lượng của cải khổng lồ, “phú gia địch quốc”, “chỉ đứng sau Chúa thượng” [2]. Trong xã hội phong kiến nam quyền, người nữ không có quyền lực thực sự trên chính trường chính trị (mặc dù nhiều người trong số họ thực sự có tham vọng và khả năng). Để đạt được vị thế, người phụ nữ đã sử dụng quyền lực mềm, biến vẻ đẹp, sự quyến rũ làm vũ khí, chi phối, tác động vào những người đàn ông quyền lực, qua đó mà đạt mục đích. Hai là *Mỹ nhân kế dùng để lừa gạt, trả thù*: mụ Tú Bà đưa Kiều ra ở lầu Ngưng Bích và hứa sẽ tìm nơi gả chồng nhưng mụ lại dùng mỹ nam kế - dùng Sở Khanh trong vai một văn nhân với “hình dung chải chuốt áo khăn dịu dàng” mang phong thái của bậc đại anh hùng “giữa đường gặp chuyện bất bình chẳng tha”, “bể trầm luân lấp cho đầy mới thôi” để lừa gạt nàng chạy trốn (*Truyện Kiều* – Nguyễn Du). Còn vua Trần Dụ Tông vì không thể làm lung lay được sự kiên trinh của quân chúa A Kim bèn dùng mỹ nam Hà Ô Lôi – kẻ có sức thu hút khó cưỡng nhờ ngoại hình và giọng hát hay để quyến rũ nhằm hạ nhục nàng (*Truyện Hà Ô Lôi – Lĩnh Nam chích quái*).

*Theo tính chất gián tiếp hay trực tiếp:* thường trong mỹ nhân kế có ba đối tượng gồm: người bày kế, người thi hành kế, đối tượng bị thi hành kế. Nhưng cũng có một vài trường hợp là người bày kế và người thi hành kế là cùng một nhân vật, họ tự nghĩ ra kế hoạch và đích thân thi hành không cần qua trung gian. Trong *Quốc sử quán triều Nguyễn* có chi tiết Nguyễn Thị Niên dùng Mỹ nhân kế để diệt Phan Ngạn (xin xem phần *Cương mục*, tập II) [4. tr. 228-229]. Trong *Nam triều công nghiệp diễn chí*, nhân vật Tống Thị được lấy nguyên mẫu từ lịch sử và đi vào văn học, được miêu tả với vẻ đẹp khuynh thành đạt được những “chiến tích” tình trường xuất sắc nhờ sự điêu luyện và nghệ thuật quyến rũ đến hàng kinh điển.

*2.1.3. Các phương thức/cách thức thực thi kế mỹ nhân)*

Mục đích của người đặt/ bày kế là gây ảnh hưởng, kiểm soát người bị thi hành kế. Người thực hiện mưu kế phải dùng mọi cách thức có thể để “hút hồn người bị thi hành kế. Thường trong Mỹ nhân kế có nhiều cách thức gần như 100% các trường hợp đều sử dụng đến yếu tố hoà hợp, giao hoan thân xác với đối tượng thi hành kế để nắm sự kiểm soát về mặt tâm trí của họ từ đó khiến cho đối tượng có thể ra những quyết định có lợi cho người đặt kế. Chính vì thế, người thi hành Mỹ nhân kế đương nhiên có vẻ ngoài xinh đẹp, thu hút lòng người; không những vậy họ còn có được trời phú năng khiếu nghệ thuật hoặc bí thuật làm người khác mê đắm; nhiều người trong số họ là bậc thầy tâm lí học dễ dàng điều khiển tâm trí người khác. Nói chung, người thực hiện kế dựa trên thế mạnh cá nhân và khai thác điểm yếu của đối tượng để thực thi. Dưới đây là một số phương thức thực hiện kế:

*Dùng thể xác, nghệ thuật ân ái*: Nhan sắc xinh đẹp cùng với cơ thể quyến rũ trong trạng thái khoả thân, loã thể phơi bày là một trong những cách quyến rũ nguyên thuỷ nhất. Nàng Điểm Bích để quyến rũ thành trì đạo hạnh nhà sư Huyền Quang thì khéo chọn đêm vào khoảng canh ba**, trăng** **sáng vằng vặc** (TTTN nhấn mạnh), như ban ngày, gió thông sực động bức rèm để nhà sư nhìn thấy một bức tranh tuyệt tác bày ra: “tụt trễ quần lụa, để hở làn da trắng như tuyết” và khi “trăng khuya xuống thấp dần […] mảnh quần hồng của người con gái đã tụt hết cả rồi”. Vẻ đẹp trần trụi, nóng bỏng của người con gái đẹp khoả thân dưới ánh trăng sáng mê ảo khiến cho lòng thiền xao động không sao ngăn giữ được, lửa dục bốc cháy ngùn ngụt, nhà sư bèn đem hết số vàng vua ban ra mà ngủ với nàng (*Sư chùa núi Yên Tử* - *Sơn Cư tạp thuật*) [7, tr. 362-363] (Tập II). Loã thể là một trong những đòn quyến rũ cực mạnh tác động vào thị giác đối tượng khiến nạn nhân không kịp trở tay hay phản kháng. Để chinh phục và hạ gục đối tượng thì bản thân người đi quyến rũ phải làm cho đối tượng của mình đạt đến trạng thái khoái lạc ngây ngất, nó như thứ thuốc phiện khiến họ bị nghiện mà không thoát ra được. Trong văn học trung đại Việt Nam có một số tác phẩm đề cập trực tiếp và gián tiếp đến chuyện này. Trong *Truyện Kiều*, Tú Bà có hẳn lí thuyết, giáo trình hẳn hoi để đào tạo nghề làm gái. Toàn bộ kĩ nghệ ấy được đúc rút trong “*Vành ngoài bảy chữ, vành trong tám nghề*”. *Vành ngoài* là nghệ thuật khêu gợi bằng ngôn ngữ, tình cảm, nói năng, còn *vành trong* là nghệ thuật chăn gối, gồm những động tác, tư thế tạo khoái cảm nhục dục cho khách làng chơi, tuỳ vào đặc điểm từng khách mà kĩ nữ có cách làm tình phù hợp, tránh mất sức.

*Dùng các bộ môn nghệ thuật và sử dụng trí tuệ, nghệ thuật giao tiếp* (như chiến lược giao tiếp: nắm bắt tâm lí đối tượng cùng với tài ăn nói và ngôn ngữ cơ thể. Tống Thị với cơ trí, sự thâm sâu, lão luyện của nữ nhân quý tộc chốn hậu cung, thông hiểu sách vở kim cổ, có kinh nghiệm, lại chọn cách tấn công gián tiếp và tổng hợp một loạt các phương pháp, nghệ thuật như một tướng quân xuất trận với nhiều cẩm nang binh pháp. Xét về tầm ảnh hưởng của Tống Thị lên các người tình thì ai bị Tống Thị quyến rũ thì như trúng tà thuật, chiều theo mọi ý của nàng không cưỡng lại được, dù dẫm đạp lên đạo đức, quay ngược lại với lí trí, ý định trước đây, hoặc tốn kém vạn ngàn tiền của, hoặc sẵn sàng dùng sức mạnh, tính mạng của trăm quân, thậm chí cả lật ngôi đổi chủ, dời đổi chủ tử ngôi vị sơn hà. Sức mạnh của Tống Thị ở đâu? Trước hết, nàng ta sử dụng vốn liếng nhan sắc trời ban là nhan sắc kiều diễm: “hoa thẹn nguyệt mờ, dáng điệu nhạn rơi cá lặn” không thua kém các mỹ nhân Trung Hoa tuyệt thế như Tây Thi, Vương Chiêu Quân. Không những có nhan sắc não nùng mà nàng còn có dáng điệu cử chỉ hết sức khiêu gợi: “tính tình lẳng lơ, mây sớm gió chiều, thân Hồ nhớ Việt”, cách nói năng ngọt ngào, bóng gió, đầy ẩn ý khơi gợi chuyện trăng gió, gối chăn: “nói năng khéo léo khoái hoạt, cợt gió đùa trăng, phong thái chẳng kém Ly Cơ, Muội Hỉ” [2, tr. 206]. Chưa hết, nàng ta còn làm điêu đứng nạn nhân bằng tâm kế - “khổ nhục kế”, ra vẻ đáng thương, mong manh yếu đuối của nữ nhân cần sự bao bọc chở che của phái mạnh: “Năm Kỷ Mão tháng hai, Tống Thị vào phủ chúa chầu hầu. Tống Thị sụp lạy dưới thềm thưa trình về tình cảnh góa bụa thảm thiết” [2, tr. 206]; cử chỉ, dáng điệu học theo các mỹ nhân cổ một thuần thục: “Trong khi nói cau mày nhăn mặt ai trông thấy cũng xiêu lòng” [2, tr. 206]. Ngôn ngữ của Tống Thị cũng hết sức lợi hại, ngoài để mơn trớn, khiêu gợi còn có khả năng tâng bốc, nịnh nọt. Tống Thị vào thì lựa lời khéo léo cho chúa vui lòng. Như vậy, Tống Thị thi triển tổng hợp, đa dạng các phương thuật chinh phục, tác động đến mọi giác quan (thị giác, khứu giác, thính giác, xúc giác..) nhằm khơi dậy sóng tình, chài mồi, đánh thức bản năng con đực của đối tượng; bên cạnh đó là khơi gợi tình thương, biến đối tượng thành người hùng cứu vớt mình… khiến cho nạn nhân như một con cá mắc vào lưới không thể thoát ra. Tống Thị thực sự là bậc thầy lão luyện của nghệ thuật quyến rũ, vừa là người bày kế vừa trực tiếp thi hành kế.

Các hình thực nghệ thuật là một phương thức thu hút quyến rũ hiệu quả. Thơ ca, âm nhạc, vũ đạo… tác động đến thị giác, xúc giác, thính giác và tâm thức khiến cho đối tượng bị chao đảo và từ từ bị thu phục. Trước hết, phải kể đến sự thú vị của người “thông minh, nhanh nhẹn”, lại có tài về ăn nói lưu loát, trôi chảy của Ô Lôi: “mồm mép hơn người”, lại có thiên hướng về nghệ thuật, thơ ca: “từ chương thi phú”, âm nhạc: “hát ca ngâm ngợi”, đặc biệt thơ ca, âm nhạc đó lại có đặc điểm đó mang màu sắc cá nhân trong xu hướng chọn lựa ngôn từ và phong cách thể hiện: “cợt gió cười trăng, du dương theo mây bổng, ai cũng thích nghe (TTTN nhấn mạnh)”, “Đàn bà con gái lại càng say mê, đều muốn xem Ô Lôi tận mặt” [7, tr. 118] (Tập I). Sở Khanh sở dĩ lừa được Kiều cũng là nhờ khả năng “hoạ vần” khiến nàng nghĩ hắn thuộc dòng dõi thi thư (*Truyện Kiều* – Nguyễn Du) Chinh phục đã khó, nhưng làm cho đối tượng say đắm, mê mải không thể dứt ra được thì cần đến nghệ thuật ân ái. Lịch sử nhân loại đã có nhiều tác phẩm dạy nghệ thuật làm tình như *Kamasutra* (Ấn Độ), *Tố nữ kinh* (Trung Hoa)…

*Dùng bùa chú:* Ngoài ra các bí thuật đặc biệt khác cũng được khai thác như *phương thuật, bùa chú*: Ngay từ thời cổ đại, người ta đã tìm thấy công thức luyện bùa yêu từ một số loài hoa có mùi thơm dẫn dụ, chất nước từ cánh hoa, rễ cây như oải hương, đàn hương có ma lực làm cho lòng người rạo rực, tâm thần lâng lâng, hay chỉ cần cho đối tượng uống vài giọt nước là đạt được mong ước quyến rũ bạn tình: “Các hương thơm và mùi có một quyền năng đối với tâm lí con người. Chúng làm cho các hình ảnh và các cảnh có ý nghĩa dễ xuất hiện. Và đến lượt mình những hình ảnh ấy dễ khiêu gợi và hướng dẫn những cảm xúc mong muốn, và cũng có thể liên hệ với một quá khứ xa xôi. Đặc biệt hoá chất thơm héliotropine gợi lên hình ảnh hoa và về vườn, về các vật thơm, nó **cũng kích thích nhục dục** (TTTN nhấn mạnh), chất vaniline gợi nhớ các thức ăn và các cảm giác thuộc giai đoạn **môi miệng**” [1, tr. 462]. Hai tác phẩm *Hoàng Lê nhất thống chí* và *Nam triều công nghiệp diễn chí* cùng sử dụng một motif là nhân vật mỹ nữ khuynh thành giành được sự sủng ái của quân vương nhờ sử dụng mùi hương mê dụ (dâng hoa). Khi vào phủ chúa, Đặng Thị Huệ vốn chỉ là nữ tỳ. Một hôm, Đặng Thị Huệ bưng một khay hoa đến trước nơi chúa ngồi. Đặng Thị Huệ mắt phượng mày ngài, vẻ người mười phần xinh đẹp. Chúa nom thấy rất bằng lòng bèn sủng ái [8]. Tính chất dụ hương – bùa yêu cũng được thể hiện rất rõ trong chi tiết Tống Thị chuẩn bị xâu hoa, không đơn thuần là tạo mùi hương kích dục mà còn mang màu sắc tâm linh thần bí khi sắp xếp một sâu chuỗi trăm hoa với những *bùa chú vẽ hình thù kỳ lạ* (Phần 3: *Chúa Thượng*) [12]. Trong *Nam triều công nghiệp diễn chí* có chi tiết: “Một hôm Tống Thị ngồi nhà xâu một chuỗi hoa như vòng ngọc liên châu rất đẹp, sai người đem đến dâng cho chúa. Thượng vương cầm lên ngửi thấy mùi hương bốc thơm ngát, tự nhiên xúc động lòng yêu. Từ đó Thượng vương đem lòng say mê Tống Thị” [2, tr. 184]. Chi tiết này được nhà văn Nguyễn Văn Xuân trong cuốn tiểu thuyết *Kì nữ họ Tống* viết lại như sau: “Mỗi bông hoa được ngâm trong những thứ nước thơm đặc biệt, nhúng đi nhúng lại nhiều lần trước khi đem sấy cho khô rồi mới kết lại thành một chuỗi đúng trăm hoa dâng lên chúa” [12]. Khi chúa đưa chuỗi bách hoa lên mũi ngữi thấy mùi hương thơm ngát, tự nhiên xúc động lòng yêu, từ đó chúa Thượng say mê Tống Thị không rời”. Vì thế mà Phạm Văn Hưng xem vòng hoa trong chi tiết trên là một dạng *xuân dược* “mà ở đó nghệ thuật chinh phục tình yêu, gợi hứng, kích thích hứng thú của bạn tình được thực hiện bằng cách đánh vào khứu giác” [3, tr.163]. Ngải hoa tình làm rung động đến cực độ đối tượng, đến mức ở gần thì phải ngay lập tức thực hiện giao hoan, mây mưa (như chúa Nguyễn Phước Lan – em chồng), ở xa thì chỉ ngửi thấy mùi hương, và “tai nghe nhưng mắt chưa nhìn” nhưng “bệnh Tề Tuyên đã nổi lên đùng đùng” đến mức đem quân chinh phạt để được tương kiến mỹ nhân (như Trịnh Tráng).

**2.2. Motif Mỹ nhân kế trong văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam nhìn từ văn hoá trung đại**

*2.2.1. Chân dung người thi hành kế - một cái nhìn mang đậm màu sắc tướng thuật*

Nhóm mỹ nhân được chọn thực hiện kế phần lớn đều được miêu tả với nhan sắc kiều mị, quyến rũ, là biểu tượng hoặc hiện diện của nữ tính và nhục cảm, mang sắc đẹp kiểu khuynh quốc, khuynh thành, lay động, mê đắm thiên hạ. Những đặc điểm của nhóm nhân vật nữ thực hiện kế được các tác giả ít nhiều vận dụng nhân tướng học vào để vừa miêu tả trạng mạo nhân vật, vừa ngầm báo trước vận mệnh. Hầu hết họ đều mang nhan sắc kiểu dạng khuynh thành. “Khuynh thành tướng” được miêu tả qua các nét như: ***Đôi mắt lóng lánh, đa tình***: Hình ảnh “*Làn thu thuỷ*” - được nhiều tác giả sử dụng (Nguyễn Du-*Truyện Kiều*, Nguyễn Gia Thiều-*Cung oán ngâm…*) để miêu tả vẻ đẹp đôi mắt biêng biếc xanh như sóng nước mùa thu, nhìn như có nước lóng lánh ở trong guồng mắt, khiến trông vào có vẻ ươn ướt, long lanh, mơ màng, toát nên vẻ đa tình. Theo tướng mệnh học thì mắt có đặc điểm trên được gọi là *Đào hoa nhãn*[[1]](#footnote-1). Bàn về chi tiết này nhà nghiên cứu Nguyễn Quang Hưng cho rằng: “Ông [Nguyễn Du] đã phần nào thừa nhận yếu tố Võ Hậu [Tà dâm] trong con người Kiều theo quan điểm của tướng mệnh học truyền thống. Những biểu hiện của Kiều như “làn thu thuỷ” “thông minh vốn sẵn tính trời”, “má đào” […] không phù hợp với quan điểm về tướng mạo tốt của nữ giới ngày xưa… biểu hiện của vẻ đẹp trong đó có sự cám dỗ sắc dục” [3, tr. 128].***Làn da ửng hồng tựa sắc hoa đào***. Thường trong bút pháp xây dựng hình tượng mỹ nhân đoan trang, đức hạnh thì các tác giả khi miêu tả thường so sánh với vẻ trắng ngần, tinh sạch của *tuyết* như “tuyết nhường màu da. Nhưng khi miêu tả những nhan sắc khuynh quốc, khuynh thành các tác giả có xu hướng miêu tả làn da có màu sắc *tựa sắc hoa đào*. Điều này là một quán tính của nghệ thuật, chịu sự ảnh hưởng của văn hoá dân gian và tướng số học. Trong dân gian còn lưu truyền mấy câu: “Hồng diện đa âm thuỷ; Trường mi hạ tố mao…” để nói về mối quan hệ giữa dáng hình (bề ngoài) với khả năng và nhu cầu (bên trong) tình dục của người phụ nữ mà các nhà nhân tướng học xưa kia gọi là “tướng dâm” của đàn bà. Phụ nữ trời phú sắc da mặt trắng hơi pha màu hồng lạt gọi là đào hoa sắc, chủ về háo dâm. ***Phong thái, dáng vẻ cử chỉ, khiêu gợi*:** Căn cứ vào tướng pháp của Thủy Kính, Ma Y, Hứa Phụ, Quản Lộ, Quí Cốc cũng như Thu Đàm Nguyệt, Nữ ngọc Quản Quyết, Linh Đài Bí… thì những tướng như: *Hung cao điến kiệu, Yêu tế kiên hàn, Thân như phong liễu, Hạc thoái phong yêu (ngực ưỡn đít cong, eo nhỏ vai so, người ngả nghiêng như cây liễu, lưng như lưng ong, gầy như chân hạc, đào hoa sắc*…) đều thuộc tướng dâm, phản ánh ý dâm vượng thịnh, hiếu dâm, đa tình, đa dâm. Trong cách tác giả trung đại có khuynh hướng miêu tả cử chỉ của mỹ nhân khuynh thành mang đượm tính sắc dục, khơi gợi, gây kích thích tính dục cho đối tượng tiếp xúc, những miêu tả này cũng chịu ảnh hưởng, hơi hướng của những miêu tả trong tướng số học. Trong *Nam triều công nghiệp diễn chí*, Nguyễn Khoa Chiêm mỗi chi tiết miêu tả Tống Thị đều gắn với sự gợi tình: “dáng điệu nhạn rơi cá lặn, tính tình lẳng lơ mây sớm gió chiều, thân Hồ nhớ Việt, nói năng khéo léo khoát hoạt, cợt gió đùa trăng, phong thái chẳng kém gì Li Cơ, Tiểu Muội”.

Như vậy, dưới góc nhìn tướng học, nhân vật nữ thực hiện kế có đặc điểm nhan sắc khuynh thành, nhan sắc của họ lộ ra dâm ý kích thích người khác phái và nhân vật sở hữu kiểu nhan sắc này có cuộc đời khá thăng trầm, chịu nhiều gian truân.

Ngay cả nhân vật nam thực thi kế cũng được miêu tả mang màu sắc tướng thuật. Hà Ôi Lôi da màu đen, mịn bóng như sáp (*Truyện Hà Ôi Lôi*). Theo quan điểm tướng thuật là đàn ông cũng như đàn bà ai da bóng láng như thoa mỡ có khả năng và nhu cầu cao về tình dục và lận đận tình duyên. *Phú Ma y* (Ma y thần tướng) nói: *Người nào mặt láng da ngà/Trai đôi ba vợ, gái đôi ba chồng*. Vì thế, không phải ngẫu nhiên mà từ màu da đen, bóng mịn như sáp của nhân vật, Tạ Chí Đại Trường đã có những nhận xét sắc sảo đáng quan tâm: “Trước hết là ở hình dạng nhân vật, được tả “da thịt đen như mực”, đen nhưng “da láng như mỡ”, được cả tiên Đồng Tân khen “đẹp lắm” tiếp khi tiếp thêm sức giọng hát tuyệt vời ngoài tính chất thông minh mẫn tiệp khác. “Đen” ở đây rõ ràng là da đen theo giống chứ không phải vì dang nắng! Đời Trần đã có rất nhiều giao tiếp với dân hải đảo có màu da sậm hơn người Việt, vậy thì việc có một người con lai như thế không phải là điều lạ… Học giả miền Bắc lúc có cơ hội đi điền dã đã gợi ý đây là một hậu duệ của tù binh Chàm trong vùng. Ô Lôi lúc lớn lên được vào hầu trong cung Dụ Tông. Phía trời Tây triều đình người Ả Rập đã có rất nhiều nô lệ người da đen “làm loạn” ở hậu cung như còn truyền lại trong *Ngàn lẻ một đêm*. Huyền thoại về khả năng tình dục của người da đen có ở khắp nơi, cho nên cung đình họ Trần có thêm một Ô Lôi cũng không là mới. Vậy phải chú ý đến sự “sủng ái” của nhà vua đối với “tân khách” Ô Lôi. “Vua thường bảo ở triều đình rằng nếu ai có thấy Ô Lôi gian phạm con gái nhà ai, bắt nó đến đây thì vua thưởng tiền một ngàn quan, nếu giết nó thì phải bồi thường một vạn quan. Đi chơi đâu vua cũng thường cho nó đi chơi cùng”. Tuy sử quan có khen bài thuốc của Trâu Canh, nhưng chắc là không công hiệu lắm, vì rốt cuộc Dụ Tông vẫn không có con, đến lúc chết phải để Dương Nhật Lễ lên thay. Vậy thì Ô Lôi trong triều với những điều ghi lại “nhẹ nhàng” kia, chứng tỏ là một “boy friend” của Dụ Tông (Theo chỉ dẫn của Trâu Canh?), điều đã thấy rất nhiều ở Cổ Hi Lạp, cũng như trong chữ Hán “đoạn tụ”, từ tích Hán Ai Đế (năm 6-1 trcn.) phải cắt ống tay áo của mình mới trỗi dậy được mà không làm kinh động người yêu-trai (Đổng Hiền) đang ngủ mê mệt nằm đè lên” (*Hán thư, Đổng Hiền truyện*) [11].

Như vậy, dưới góc nhìn văn hoá dự báo thời trung đại (mà cụ thể ở đây là tướng thuật) và quan điểm Nho gia thì chân dung nhân vật thực hiện Mỹ nhân kế đều có điểm chung là đẹp, có khả năng khơi gợi tình ái, tính dục nhưng những vẻ đẹp đó không mang ý nghĩa tốt lành mà thậm chí là điềm hung cho những ai sở hữu nó.

*2.2.2. Hồng nhan bạc mệnh: một hiện thực về số phận người phụ nữ trong xã hội xưa*

Phần lớn nhân vật thực hiện mỹ nhân kế - dù kế thành hay kế bại đều có số phận, kết cục không có hậu. Họ biến mất khỏi lịch sử, bị vứt bỏ, bị trừng phạt, bị giết chết, bị trả thù. Trường hợp mỹ nữ thực hiện nhiệm vụ chính trị, quân sự: phần nhiều tên tuổi họ biến mất, hoặc không được nhắc đến như Ngoạ Thiềm, An Tư; hoặc có người thì bị đem tặng cho người khác như trường hợp Thị Lâm bị Nguyễn Hoàng gả (thực ra là vứt bỏ) cho Văn Hùng bá Vũ Doãn Trung với lí do: “đền công đáp nghĩa … đó là ý muốn bản tâm ta, nàng nên nghe theo để làm sáng tỏ công danh với đời sau” [2, tr. 32]; hoặc như Huyền Trân được cứu sống khỏi bị hoả thiêu chết theo Chế Mân nhưng sau khi trở về cũng không thể đoàn tụ cùng người yêu là Trần Khắc Chung mà nàng phải xuất gia đi tu. Trường hợp mỹ nữ thực hiện nhiệm vụ thử thách đạo hạnh như Điểm Bích – khi kế sách bại, lời nói dối bị phát hiện nàng liền bị vua ban chết nhưng được nhà sư xin cho sống nên nàng trở thành người quét tước chùa trong cung Cảnh Linh (cũng là một kiểu xuất gia). Trường hợp tự mình ra kế sách và thi hành kế thì cũng bị chém và bêu đầu giữa chợ (trường hợp Tống Thị). Như vậy, các trường hợp thi hành kế thì dù kế thành, hay kế bại đều có kết cục không viên mãn, chịu bất hạnh.Từ khảo sát có thể nhận thấy, hầu hết các trường hợp mỹ nhân kế là mỹ nữ kế…. và họ đều chịu số phận bất hạnh, không thoát khỏi quy luật “Hồng nhan bạc mệnh”. “Hồng nhan bạc mệnh” là một triết thuyết nghe có vẻ như duy tâm, siêu hình nhưng sự thực nó bắt nguồn từ hiện thực, văn hoá thời trung đại gắn với nam quyền, nam tôn nữ ti: “Trong các xã hội nam quyền phương Đông xưa, người phụ nữ có nhan sắc thường bất hạnh vì chính nhan sắc của họ. Trước hết, người hồng nhan có thể bất cứ lúc nào cũng trở thành nạn nhân của sự chuyên quyền, độc đoán của đàn ông, số phận của họ lệ thuộc vào đàn ông” [9, tr.283]. Người phụ nữ không có quyền làm chủ, lựa chọn cách sống, ứng xử, làm chủ thân xác, tâm lí, suy nghĩ của mình: “không có thiết chế hay luật pháp nào bảo vệ cho người phụ nữ có sắc đẹp tránh khỏi số phận bị cướp, bị bắt cóc nay bị tuyển mộ, bị dâng nạp, bị gả bán…. người đẹp xưa là công cụ phục vụ ham muốn nhục dục và tham vọng về chính trị của giới chức quyền” [9, tr.284]. Mỹ nữ bị sử dụng làm công cụ tranh quyền nhưng đáng thương thay họ không được bảo vệ mà trái lại còn phải chịu sự khinh miệt, lên án của các nhà tư tưởng khi xem họ là nguyên nhân gây nên tai hoạ của gia tộc, quốc gia “khuynh quốc khuynh thành”, “hoạ thuỷ”. Thị Lâm trở thành “vật dụng, món hàng và quà tặng trong tay ba người đàn ông (Nguyễn Hoàng, Lập Bạo và Nghi Côn) mặc dầu nàng hoàn toàn ý thức về việc giữ gìn phẩm tiết theo quan niệm xưa “ý niệm bình sinh của thần thiếp là được cầm khăn lược theo hầu Chúa Thượng, giữ vẹn tiết trinh. Chỉ vì việc nước mà phải ô uế tấm thân, khó mài rửa được” [2, tr.31-32].

Không có nhiều cứ liệu để ngày nay chúng ta biết được trong xã hội trung đại xưa, những người ra quyết định sử dụng Mỹ nhân kế liệu họ có nghĩ đến số mệnh và kết cục bi đát không thể tránh khỏi của người đi thực hiện kế hay không? Dù là từ mục đích nào việc hy sinh thân xác và trinh tiết, danh dự của người nữ để đổi lấy sự thắng lợi nào đó là một việc làm thiếu nhân văn: “Từ góc nhìn của người dựng lên và sử dụng mỹ nhân kế thời xưa, vấn đề mục đích và kết quả là biện minh cho phương tiện và cách thức, thậm chí hiếm khi họ băn khoăn về cách thức thực hiện mưu mô của mình, bởi chưa bao giờ phụ nữ được đối xử một cách công bằng, dù đó là người có thân phận quyền quý (nhu Ngoạ Thiềm, An Tư hay kẻ tầm thường như Thị Lâm)” [4. tr. 318]. Lời bàn của Ngô Thì Sĩ trong *Đại Việt sử kí tiền biên* (tr. 491-492) thể hiện cái nhìn đầy nhân văn của nhà sử gia (cũng là Nho gia) về số phận nhân vật thi hành kế: “Nhà Trần chỉ cốt được lợi trước mắt, luôn luôn mượn son phấn để thay bức trường thành. Đem Ngoạn Thiềm gả cho Nguyễn Nộn, Thiên Tư gả cho Thoát Hoan, Huyền Trân gả cho Chế Mân…. Tuy vậy nhưng Chế Mân cũng là vua của một nước đấy, lấy công chúa Huyền Trân về thì cắt đất bãi binh, rốt cuộc mở mang bờ cõi Thuận Hoá làm lợi cho đời sau chẳng hơn là Nguyễn Nộn không chịu vào chầu, Thoát Hoan không chịu rút quân mà Ngoạn Thiềm, Thiên Tư thì uổng công chuốc lấy cái nhục thất tiết hay sao”.

Như vậy, có thể thấy, dưới xã hội nam quyền, với tư tưởng “trọng nam khinh nữ, “nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô”, “tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử”, đề cao trinh tiết, trọng đức hơn sắc, “gái trinh không lấy hai chồng” thì người nữ rất khó tự chủ, nắm giữ vận mệnh, hạnh phúc của mình. Trong một số hoàn cảnh, khi mục đích, kết quả là biện minh cho phương tiện và cách thức thì số mệnh của người phụ nữ dường như không được ai để tâm, họ nghiễm nhiên phải chấp nhận thực thi nhiệm vụ (vì nước, vì nhà, vì những lí tưởng cao cả sau đó) và đương nhiên là cũng phải chấp nhận hậu quả sau đó (là điều không thể tránh khỏi khi sống trong vùng văn hoá khí quyển đề cao trinh tiết). Khi viết về thân phận những nhân vật nữ thực hiện Mỹ nhân kế, các nhà văn (cũng là các nhà Nho), các nhà sử học không giấu được sự đồng cảm, xót thương cho số phận của họ. Đây cũng là một phần tạo nên tiếng nói nhân văn, nhân đạo của văn học trung đại Việt Nam trong mười thế kỉ.

**3. Kết luận**

Trong Văn xuôi tự sự trung đại, motif mỹ nhân kế không chỉ có ý nghĩa về mặt nghệ thuật như tham gia vào kết cấu, thúc đẩy nhịp kể, xây dựng tình huống truyện, gắn với kiểu loại nhân vật đặc trưng… Vì thế, khi nghiên cứu motif Mỹ nhân kế nhìn từ văn hoá trung đại, người đọc có thể thấy được một số vấn đề vấn đề về tướng thuật liên quan đến sắc đẹp, trinh tiết, tính dục; quan niệm “hồng nhan bạch mệnh”, ẩn đằng sau đó là số phận người phụ nữ trong xã hội phong kiến, cái nhìn nhân văn nhân đạo của nhà văn.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

**1**. Chevalier J – Gheerbrant A. (2002), *Từ điển biểu tượng văn hoá thế giới*, (Phạm Vĩnh Cư, Nguyễn Xuân Giáo, Lưu Huy Khánh, Nguyên Ngọc, Vũ Đình Phòng, Nguyễn Văn Vỹ dịch), (Sách tái bản), Nxb Đà Nẵng.

2. Nguyễn Khoa Chiêm (2003), *Nam triều công nghiệp diễn chí*, (Ngô Đức Thọ và Nguyễn Thuý Nga dịch, chú và giới thiệu), Nxb Hội nhà văn, H.

3. Phạm Văn Hưng (2018), *Văn hoá tính dục ở Việt Nam thế kỉ X-XIX*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.

4. Quốc sử quán triều Nguyễn (2006), *Đại Nam thực lục*, Tập III, Ngô Hữu Tạo – Nguyễn Mạnh Duân – Phạm Huy Du – Nguyễn Danh Chiên – Nguyễn Thế Đạt – Trương Văn Chinh – Đỗ Mộng Khương dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, Tái bản, Nxb Giáo dục, H.

5. Ngô Sỹ Liên và các sử thần triều Lê (1993), *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập III, Dịch và chú thích: Hoàng Văn Lâu – Ngô Thế Long, Hiệu đính: Hà Văn Tấn, Sách dẫn: Khoa Sử Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, Nxb Khoa học xã hội, H.

6. Bùi Duy Tân (Chủ biên) – Nguyễn Hữu Sơn – Phạm Đức Duật – Nguyễn Đức Dũng (2007), *Hợp tuyển văn học trung đại Việt Nam thế kỉ X – XIX*, Nxb Giáo dục, H.

7. Trần Nghĩa (Chủ biên) (1997), *Tổng tập tiểu thuyết Việt Nam*, (4 tập), Nxb Thế giới, H.

8. Ngô Gia Văn Phái. (2006), *Hoàng Lê nhất thống chí*, Nguyễn Đức Vân, Kiều Thu Hoạch dịch, Trần Nghĩa giới thiệu. Hà Nội, Nxb Văn học.

9. Trần Nho Thìn (2008), *Văn học trung đại Việt Nam dưới góc nhìn văn hoá,* Nxb Giáo dục, H.

10. Trung tâm khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia (2000), *Tổng tập văn học Việt Nam*, Tập XIV, Sưu tầm và biên soạn: Đặng Đức Siêu, Nxb Khoa học xã hội, H.

11. Tạ Chí Đại Trường (2003), *Sử Việt đọc vài quyển*

http://www.vietnamvanhien.net/suvietdocvaiquyen.pdf.

12. Nguyễn Văn Xuân (2002), *Kỳ nữ họ Tống*, Nxb Trẻ, Tp Hồ Chí Minh.

**THE MOTIF OF SCHEMES OF BEAUTY IN NOVELLA IN PORSE IN THE VIETNAMESE MIDDLE AGES FROM THE CULTURAL PERSPECTIVE**

**Abstract.**

Scheme of beauty is a strategy using beauty to win that is used quite commonly in war and also in everyday life at different levels. In the examined area of novella in prose in the Vietnamese middle ages, the article examines, classifies contexts, characteristics, and strategies of the beauty. This study provides an overview of the characters who implement the strategy which is a fruitful reflection on physiognomy and the Vietnamese idiom" The beauty usually has an unhappy fate" (Hồng nhan bạc mệnh)- a reality about the fate of women in the ancient society.

**Keywords: *Scheme of beauty, novella in prose in the middle ages, motif, physiognomy.***

1. Đào hoa nhãn - mắt đào hoa là hình dạng con mắt trông như cánh hoa, mắt dài, độ cong của mí mắt trên khá lớn, khoé mắt trong nhọn và lõm vào trong, đuôi mắt cong. Khi cười hai mắt híp lại thành hai hình trăng lưỡi liềm cong cong, đem lại cảm giác ngọt ngào quyến rũ. Mắt đào hoa lúc nào cũng long lanh như có nước, đem lại cảm giác mơ màng, mờ ảo lại sâu thẳm trong suốt, không cười mà như cười, vô cùng quyến rũ, hấp dẫn người khác giới. Nữ nhân có đặc điểm này được xếp vào tướng dâm, đa tình. [↑](#footnote-ref-1)